

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BẾN CÁT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2021/HS-ST
Ngày 29-4-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Hoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Thắm;

Ông Lương Thanh Nhàn.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Kiều Oanh – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:* Bà Phạm Thị Quỳnh – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 38/2021/TLST-HS ngày 18 tháng 3 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2021/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 4 năm 2021 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn T, sinh năm 1995 tại tỉnh Bạc Liêu; địa chỉ thường trú: ấp T, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 9/12; con ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1967 và bà Nguyễn Thị Mai H, sinh năm (không rõ), đã chết; vợ Nguyễn Thị M, sinh năm 1997; bị cáo có 01 con sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 26/3/2017, bị cáo bị Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương xử phạt 08 tháng tù về tội “chống người thi hành công vụ”; chấp hành xong hình phạt tù ngày 10/10/2017, đã chấp hành xong án phí; bị bắt giữ khẩn cấp, tạm giữ, tạm giam tại nhà tạm giữ Công an thị xã Bến Cát từ ngày 20/11/2020 cho đến nay; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Anh Nguyễn Xuân Th, sinh năm 1990; địa chỉ thường trú: Xóm 6, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An; địa chỉ tạm trú: Khu phố 1, phường C, thị xã B, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Trần Thị Mỹ T1, sinh năm 1995; địa chỉ thường trú: Ấp B, xã N, huyện A, tỉnh An Giang; địa chỉ tạm trú: Khu phố 7, phường C, thị xã B, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Anh Trần Văn H, sinh năm 1982; địa chỉ thường trú: Thôn N, xã V, huyện U, thành phố Hà Nội; địa chỉ tạm trú: Số 1812 Tỉnh lộ 8, ấp 2, xã H, huyện C, thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn T, Thị Ngọc T1, sinh ngày 23/01/2003; địa chỉ thường trú: Ấp T, xã H, thành phố V, tỉnh Hậu Giang và Hồ Văn T2 là bạn bè với nhau, cùng sống chung tại phòng trọ số 04 nhà trọ B, đường NH7, khu phố 7, phường C, thị xã B, tỉnh Bình Dương.

Khoảng 15 giờ ngày 05/9/2020, Nguyễn Xuân Th là bạn của T2 điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision màu đỏ, số khung: 5816GY334932, số máy: JF66E0335002, biển số 67G1-448.29 của chị Trần Thị Mỹ T1 đến phòng của T2 chơi thì gặp T2, T và T3 đang ở phòng. Sau đó, Th nhờ T2 chở Th đi khám sức khỏe ở Bệnh viện Mỹ Phước, T2 đồng ý và lấy xe mô tô của T2 điều khiển chở Th đi. Trước khi đi, Th gửi xe mô tô biển số 67G1-448.29 lại và nhờ T, T3 giữ gìn. T và T3 đồng ý. Khi Th gửi lại xe mô tô biển số 67G1-448.29, Th có để lại chìa khóa xe biển số 67G1-448.29 và Tú có nhờ T đến khoảng 17 giờ thì lấy xe của Th đi rước vợ của T2 thì T đồng ý. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày, T điều khiển xe mô tô 67G1-448.29 của Th chở T3 đi rước vợ của T2. Trên đường đi, T ghé cây xăng tại khu vực ngã tư Sở Sao để đổ xăng. Khi mở cốp xe, T nhìn thấy 01 (một) ví nữ màu đỏ, bên trong có giấy CMND, 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 67G1-448.29 mang tên Trần Thị Mỹ T1 cùng một số giấy tờ trả góp ngân hàng. Lúc này, T nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô 67G1-448.29 của Th đem cầm cố lấy tiền tiêu xài nên rủ T3 mang xe mô tô biển số 67G1-448.29 đi cầm cố thì T1 đồng ý. Sau đó, T điều khiển xe mô tô biển số 67G1-448.29 chở T1 đến tiệm cầm đồ Long Ngọc Phát 2, địa chỉ: Tỉnh lộ 8, ấp 2, xã H, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh do anh Trần Văn H làm chủ, cầm cố xe mô tô biển số 67G1-448.29. Tại đây, anh H yêu cầu phải có giấy tờ chính chủ thì mới nhận cầm cố. T lấy giấy chứng minh nhân dân và giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên Trần Thị Mỹ T1 đưa cho anh H và nói dối Thị Ngọc T3 chính là Trần Thị Mỹ T1. T3 tự nhận mình Trần Thị Mỹ T1 là chủ xe biển số 67G1-448.29. Anh H tin tưởng nên nhận cầm cố xe mô tô biển số 67G1-448.29 với số tiền 16.000.000 đồng. Khi ký tên vào giấy biên nhận cầm cố, T3 ký chữ “T1” và “Trần Thị Mỹ T1”. Sau đó, cả hai đi đến bến xe miền Tây để đón xe đến khu vực xã Lương Bình, huyện Bến Lức, tỉnh Long An để tìm việc làm. Khi đến khu vực bến xe miền Tây, T vứt bỏ ví của chị T1 có giấy biên nhận cầm cố vào một thùng rác ven đường.

Đối với anh Nguyễn Xuân Th, khoảng 16 giờ 45 phút ngày 05/9/2020, anh Th quay về phòng trọ của T2 thì không thấy T, T3 và xe mô tô biển số 67G1-448.29, anh Th đi tìm và liên lạc với T nhưng không được. Đến ngày 06/9/2020, chị Trần Thị Mỹ T1 nhận được cuộc gọi của một người phụ nữ (không rõ lai lịch) nói có nhặt được ví của tiền cùng các giấy tờ của chị T1. Sau đó, chị T1 liên lạc và

nhận lại được ví tiền cùng các giấy tờ rồi đến Công an phường Chánh Phú Hòa để trình báo sự việc.

Ngày 20/11/2020, T và T3 đến phòng trọ cha ruột của T tại khu phố 2, phường T, thị xã B thì bị lực lượng công an mời làm việc. Sau đó, vụ việc được chuyển giao cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Bến Cát giải quyết theo thẩm quyền.

Vật chứng thu giữ: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision biển số 67G1-448.29 màu đỏ, số khung: 5816GY334932, số máy: JF66E0335002; 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 67G1-448.29 số 028234, cấp ngày 23/10/2017; 01 (một) giấy chứng minh nhân dân mang tên Trần Thị Mỹ T1; 01 (một) biên nhận cầm cố của tiệm cầm đồ Long Ngọc Phát 2 có chữ ký của khách hàng Trần Thị Mỹ T1 (bản phô tô); 01 (một) mũ bảo hiểm màu xanh da trời có chữ Honda và 01 (một) mũ bảo hiểm màu xanh dương có chữ Honda - Yamaha.

Theo Kết luận định giá tài sản ngày 23/11/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thị xã Bến Cát, kết luận: 01 mô tô hiệu nhãn hiệu Honda Vision biển số 67G1-448.29 trị giá 24.800.000 đồng.

Ngày 05/01/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Bến Cát xử lý vật chứng trả lại 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision biển số 67G1-448.29 màu đỏ, số khung: 5816GY334932, số máy: JF66E0335002; 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 67G1-448.29 số 028234, cấp ngày 23/10/2017; 01 (một) giấy chứng minh nhân dân mang tên Trần Thị Mỹ T1 cho chị Trần Thị Mỹ T1.

Về trách nhiệm dân sự: Chị Trần Thị Mỹ T1 đã hỗ trợ cho anh H số tiền 8.000.000 đồng do T và T3 cầm cố xe mô tô biển số 67G1-448.29. Anh H yêu cầu bị cáo T3 và T phải có trách nhiệm tiếp tục liên đới bồi thường số tiền 8.000.000 đồng. Chị T1 yêu cầu các bị cáo T3 và T bồi thường cho chị T1 số tiền 8.000.000 đồng mà chị T1 đã đưa cho anh H.

Quá trình điều tra, Nguyễn Văn T và Thị Ngọc T3 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai phù hợp với các tài liệu chứng cứ thu thập được trong hồ sơ vụ án. Đối với số tiền cầm cố xe có được, T và T3 khai đã tiêu xài hết. Sau đó, trong giai đoạn điều tra, T3 đã bỏ trốn. Ngày 17/02/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Bến Cát ra Quyết định truy nã đối với bị cáo Thị Ngọc T3.

Tại Cáo trạng số 45/CT-VKSBC ngày 18/3/2021 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội: “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên toà, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương tham gia phiên toà phát biểu ý kiến: Giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội: “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017 và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 175; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm o khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng đến 02 (hai) năm tù.

- Về xử lý vật chứng:

+ Ngày 05/01/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Bến Cát xử lý vật chứng trả lại 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision biển số 67G1-448.29 màu đỏ, số khung: 5816GY334932, số máy: JF66E0335002; 01(một) giấy chứng nhận đăng kí xe mô tô biển số 67G1-448.29 số 028234, cấp ngày 23/10/2017; 01 (một) giấy chứng minh nhân dân mang tên Trần Thị Mỹ T1 cho chị Trần Thị Mỹ T1 nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

+ Đối 01 (một) mũ bảo hiểm màu xanh da trời có chữ Honda và 01 (một) mũ bảo hiểm màu xanh dương có chữ Honda – Yamaha không còn giá trị sử dụng nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 tịch thu tiêu hủy đối với 01 (một) mũ bảo hiểm màu xanh da trời có chữ Honda và 01 (một) mũ bảo hiểm màu xanh dương.

- Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ các Điều 288, 584, 585, 586, 587 và Điều 589 Bộ luật Dân sự 2015 đề nghị Hội đồng xét xử: Buộc bị cáo Nguyễn Văn T có trách nhiệm bồi thường cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Trần Thị Mỹ T1 số tiền 8.000.000 (tám triệu) đồng và anh Trần Văn H số tiền 8.000.000 (tám triệu) đồng.

Phản tranh luận bị cáo không có ý kiến tranh luận, thống nhất với tội danh, điều luật và mức hình phạt mà đại diện Viện Kiểm sát truy tố và đề nghị.

Lời nói sau cùng của bị cáo trước khi Hội đồng xét xử nghị án: Bị cáo đã nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được trưng tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn T đã thành khẩn khai nhận hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản như nội dung Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân

dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương truy tố. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án cùng các tài liệu, chứng cứ thu giữ trong vụ án. Hội đồng xét xử có căn cứ kết luận:

Ngày 05/9/2020, tại phòng trọ số 04 nhà trọ Bích Trâm, đường NH7, khu phố 7, phường C, thị xã B, tỉnh Bình Dương, bị hại Nguyễn Xuân Th có nhờ Nguyễn Văn T và Thị Ngọc T3 trông giữ giúp xe mô tô biển số 67G1-448.29 nhưng do cần tiền tiêu xài, T đã rủ T3 đưa xe mô tô biển số 67G1-448.29 đi cầm cố lấy tiền tiêu xài. Do đó, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội: “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017. Vì vậy, Cáo trạng số 45/CT-VKSBC ngày 18/3/2021 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát và kết luận của Kiểm sát viên đề nghị truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội: “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Việc bị cáo nhận được sự tín nhiệm của bị hại và được bị hại giao tài sản nhưng lại lấy tài sản của chủ sở hữu để cầm cố tài sản lấy tiền tiêu xài là hành vi nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của bị hại được pháp luật bảo vệ. Bản thân bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, có sức khỏe tốt, có đủ điều kiện nuôi sống bản thân nhưng vì bản chất tham lam, lười lao động nên đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của người khác để phục vụ cho nhu cầu cá nhân. Về nhận thức, bị cáo hoàn toàn biết hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản là trái pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện. Do đó, bị cáo phạm tội với lỗi cố ý. Hành vi phạm tội của bị cáo còn gây mất trật tự, trị an tại địa phương.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội của mình. Do đó, bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo T đã có hành vi xúi giục Thị Ngọc T3, sinh ngày 23/01/2003 (hiện đang bị truy nã) là người dưới 18 tuổi phạm tội do đó bị cáo T bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội quy định tại điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Về nhân thân: Bị cáo là người có nhân thân xấu đã bị Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát xử phạt 08 tháng tù về tội “Chống người thi hành công vụ” chấp hành xong hình phạt tù ngày 10/10/2017.

Căn cứ vào các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tính chất mức độ phạm tội cũng như nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử quyết định cần phải xử phạt bị cáo một mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội

của bị cáo, cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để răn đe, giáo dục bị cáo trở thành người công dân tốt, có ích cho xã hội và phòng ngừa chung. Do đó, xét thấy mức hình phạt mà đại diện Viện Kiểm sát đề nghị đối với bị cáo là phù hợp nên có cơ sở chấp nhận.

[4] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision biển số 67G1-448.29 màu đỏ, số khung: 5816GY334932, số máy: JF66E0335002; 01(một) giấy chứng nhận đăng kí xe mô tô biển số 67G1-448.29 số 028234, cấp ngày 23/10/2017; 01 (một) giấy chứng minh nhân dân mang tên Trần Thị Mỹ T1: Đây là tài sản hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Trần Thị Mỹ T1 nên ngày 05/01/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Bến Cát xử lý vật chứng trả lại 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision biển số 67G1-448.29 màu đỏ, số khung: 5816GY334932, số máy: JF66E0335002; 01(một) giấy chứng nhận đăng kí xe mô tô biển số 67G1-448.29 số 028234, cấp ngày 23/10/2017; 01 (một) giấy chứng minh nhân dân mang tên Trần Thị Mỹ T1 cho chị Trần Thị Mỹ T1 nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Đối với 01 (một) mũ bảo hiểm màu xanh da trời có chữ Honda và 01 (một) mũ bảo hiểm màu xanh dương có chữ Honda – Yamaha không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Nguyễn Văn T và Thị Ngọc T3 có trách nhiệm liên đới bồi thường cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Trần Thị Mỹ T1 số tiền 8.000.000 (tám triệu) đồng và anh Trần Văn H số tiền 8.000.000 (tám triệu) đồng. Tuy nhiên, do Thị Ngọc T3 hiện đang bị truy nã chưa xét xử trong vụ án này do đó căn cứ vào Điều 288 Bộ luật Dân sự 2015, bị cáo Nguyễn Văn T có trách nhiệm bồi thường cho chị Trần Thị Mỹ T1 và anh Trần Văn H số tiền trên và có quyền yêu cầu Thị Ngọc T3 thực hiện phần nghĩa vụ liên đới của Thị Ngọc T3 đối với bị cáo.

Căn cứ các Điều 288, 584, 585, 586, 587 và Điều 589 Bộ luật Dân sự 2015: Buộc bị cáo Nguyễn Văn T có trách nhiệm bồi thường cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Trần Thị Mỹ T1 số tiền 8.000.000 (tám triệu) đồng và anh Trần Văn H số tiền 8.000.000 (tám triệu) đồng.

[6] Đối với hành vi của Thị Ngọc T3, trong giai đoạn điều tra, T3 đã bỏ trốn. Ngày 17/02/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Bến Cát ra Quyết định truy nã đối với Thị Ngọc T3, hiện Cơ quan Cảnh sát điều tra đang tiếp tục điều tra làm rõ, khi nào bắt được sẽ xử lý sau.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 175; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm o khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Căn cứ vào các Điều 123 và Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 288, 584, 585, 586, 587, 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội: “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 20/11/2020.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào các Điều 288, 584, 585, 586, 587 và Điều 589 Bộ luật Dân sự 2015: Buộc bị cáo Nguyễn Văn T có trách nhiệm bồi thường cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Trần Thị Mỹ T1 số tiền 8.000.000 (tám triệu) đồng và anh Trần Văn H số tiền 8.000.000 (tám triệu) đồng.

Kể từ ngày án có hiệu lực thi hành và có đơn yêu cầu thi hành án của ông Trần Văn H, chị Trần Thị Mỹ T1 cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bị cáo Nguyễn Văn T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 tịch thu tiêu hủy: 01 (một) mũ bảo hiểm màu xanh da trời có chữ Honda và 01 (một) mũ bảo hiểm màu xanh dương có chữ Honda – Yamaha.

(Theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 28/4/2021).

4. Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 800.000 (tám trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo có mặt được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày Tòa tuyên án.

Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định

tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014)/.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Bến Cát;
- Chi cục THADS thị xã Bến Cát;
- Công an thị xã Bến Cát;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Hồ Thị Hoa

